**ỦY BAN MTTQ VIỆT NAM TỈNH (THÀNH PHỐ)......**

**PHỤ LỤC 1**

**Công tác tuyên truyền, vận động xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc năm 2020** (gồm 2 biểu mẫu)

**Phục lục 1a: Công tác thông tin, tuyên truyền và các hoạt động chào mừng nhân dịp kỷ niệm 90 năm Ngày truyền thống MTTQ Việt Nam**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tham mưu cấp ủy ban hành văn bản chỉ đạo  về các hoạt động kỷ niệm** | | | **Các hoạt động kỷ niệm** | |
| Công văn  *(Số lượng)* | Chỉ thị  *(Số lượng)* | Hình thức văn bản khác | Công trình, phần việc chào mừng  *(Số lượng)* | Giá trị của các công trình, phần việc chào mừng  *(Đơn vị tính: là nghìn đồng)* |
|  |  |  |  |  |

**Phục lục 1b: Công tác vận động bảo vệ môi trường**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Mô hình KDC BVMT đã và đang triển khai ở địa phương (1)**  *(do Trung ương, tỉnh, huyện, xã chỉ đạo)* | **Mô hình KDC BVMT trên toàn tỉnh/Tổng số KDC của tỉnh** | **Nguồn**  **kinh phí** | **Đóng góp của nhân dân, cơ quan, tổ chức tham gia BVMT** | | | |
| Tiền | Ngày công | Vật tư, dụng cụ… *(quy ra tiền)* | *Ghi chú* |
| **1** | Tỉnh, thành phố |  |  |  |  |  |  |
| **2** | Huyện, thị xã |  |  |  |  |  |  |
| **3** | Xã, phường thị trấn |  |  |  |  |  |  |
|  | **Tổng cộng** |  |  |  |  |  |  |

*Ghi chú*: ***(1):*** *Nêu tên các mô hình (nếu có).*

**ỦY BAN MTTQ VIỆT NAM TỈNH (THÀNH PHỐ)........**

**PHỤ LỤC 2**

**Các cuộc vận động, phong trào thi đua yêu nước năm 2020** *(gồm 9 biểu mẫu)*

**Phụ lục 2a: Cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh"**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Kết quả địa phương được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới** | | | | | **Việc bố trí kinh phí thực hiện cuộc vận động theo  Thông tư 121/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính** | | | | |
| Khu dân cư đạt chuẩn *(nếu có)* | Số xã đạt chuẩn/Số xã vùng dân tộc thiểu số | Số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao *(nếu có)* | Số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu *(nếu có)* | Số cấp huyện được công nhận | Kinh phí cấp tỉnh | Số huyện được bố trí kinh phí | Số huyện chưa bố trí kinh phí | Số xã đã bố trí kinh phí | Số xã chưa bố trí kinh phí |
| **Tổng số** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Phụ lục 2b: Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Các hoạt động tuyên truyền, vận động nhân dân hưởng ứng cuộc vận động** | | **Phối hợp tổ chức các hội chợ, phiên chợ, chuyến hàng Việt về nông thôn, vùng sâu, vùng xa**  (số cuộc) | **Xây dựng các mô hình điểm  về cuộc vận động**  *(Số lượng)* |
| Số cuộc của cả 3 cấp | Số người tham gia |
|  |  |  |  |

**Phụ lục 2c: Kết quả vận động và sử dụng Quỹ "Vì người nghèo"** *(Số liệu tính đến ngày 30/11/2020)*

*Nội dung: Kết quả vận động Quỹ “Vì người nghèo” (****Đơn vị tính: triệu đồng****)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Dư đầu kỳ** | **Quỹ địa phương vận động được** | | | | **Bằng hình thức khác quy ra tiền** | **Các tỉnh, TP khác chuyển về** | **Trung ương chuyển về** | **Cộng quỹ** |
| Cấp tỉnh | Cấp huyện | Cấp xã | Cộng quỹ 3 cấp |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5 = (2+3+4)* | *6* | *7* | *8* | *9= (1+5+6 +7+8)* |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |

*Nội dung: Kết quả sử dụng Quỹ “Vì người nghèo” (****Đơn vị tính: triệu đồng****)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hỗ trợ làm nhà Đại đoàn kết** | | | | **Giúp phát triển  sản xuất** | | **Giúp khám, chữa bệnh** | | **Giúp học sinh học tập** | | **Hỗ trợ khác quy ra tiền** | **Tổng số tiền đã sử dụng** | **Tồn quỹ** |
| Xây mới | | Sửa chữa | |
| Số lượng  (căn) | Thành tiền | Số lượng  (căn) | Thành tiền | Số lượng (người) | Thành tiền | Số lượng (người) | Thành tiền | Số lượng (học sinh) | Thành tiền |
| *9* | *10* | *11* | *12* | *13* | *14* | *15* | *16* | *17* | *18* | *19* | *21* | *22 = (9-21)* |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

*Ghi chú: Cột số 21= cột (10+12+14+16+18+19)*

*Nội dung: Tình hình ngân sách Nhà nước cấp kinh phí chi phí quản lý Quỹ “Vì người nghèo” tại địa phương năm 2020*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Đã được Ngân sách Nhà nước cấp** | | | | | | | **Chưa được Ngân sách Nhà nước cấp** | | | |
| **Tổng số đơn vị đã được cấp** | | **Trong đó** | | | | | **Tổng số đơn vị chưa được cấp** | **Trong đó** | | |
| Cấp tỉnh (số tiền) | Cấp huyện | | Cấp xã | | Cấp tỉnh | Cấp huyện (số huyện) | Cấp xã (số xã) |
| Số  ĐV | Số tiền | Số huyện | Số tiền các huyện | Số xã | Số tiền các xã |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Phụ luc 2d: Kết quả vận động ủng hộ chương trình an sinh xã hội** *(Số liệu tính đến ngày 30/11/2020)****.***

*Nội dung: Kết quả vận động: (****Đơn vị tính: triệu đồng****)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tên, nội dung chương trình ASXH** | **Các nguồn ủng hộ** | | | |
| Do các Tập đoàn kinh tế, Doanh nghiệp Trung ương chuyển về | Do tổ chức Phi Chính phủ chuyển về | Do các nguồn khác  (các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh và các tỉnh bạn) | Cộng các nguồn hỗ trợ |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5 = (2+3+4)* |
|  |  |  |  |  |

*Nội dung: Kết quả sử dụng (****đơn vị tính: triệu đồng****)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hỗ trợ làm nhà** *(xây mới và sửa chữa)* | | **Hỗ trợ bằng các công trình dân sinh**  *(trung tâm y tế, trường học, làm đường... )* | | **Giúp phát triển  sản xuất** | | **Giúp khám, chữa bệnh** | | **Giúp học sinh**  **học tập** | | **Hỗ trợ khác** | | **Cộng**  **chi hỗ trợ** |
| Số lượng  (căn) | Thành tiền | Số lượng  (công trình) | Thành tiền | Số lượng  (hộ) | Thành tiền | Số lượng  (người) | Thành tiền | Số lượng  (học sinh) | Thành tiền | Số lượng  (hộ) | Thành tiền |
| *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* | *14* | *15* | *16* | *17* | *18* |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

*\* Ghi chú: 18 = ( 7+9+11+13+15+17)*

**Phụ lục 2e: KẾT QUẢ TIẾP NHẬN VÀ PHÂN BỔ, SỬ DỤNG TIỀN, HÀNG CỨU TRỢ** *(Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/11/2020)*

*Nội dung: Tiếp nhận, phân bổ và sử dụng tiền* ***(đơn vị tính: triệu đồng****)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Dư đầu kỳ** | **Tiếp nhận ở địa phương** | | | | **TW chuyển về** | **Tổng thu** | **Lũy kế thu** | **Phân bổ, sử dụng** | | | | **Tồn quỹ** | | | **Tổng tồn** |
| Cấp tỉnh | Cấp huyện | Cấp xã | Cộng quỹ 3 cấp |  |  |  | Tại địa phương | Chuyển cho các tỉnh khác | Chuyển về TW | Tổng chi | Cấp tỉnh | Cấp huyện | Cấp xã |  |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5=(2+3+4)* | *6* | *7=(5+6)* | *8=(1+7)* | *9* | *10* | *11* | *12=(9+10+11)* | *13* | *14* | *15* |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

*Nội dung: Tiếp nhận, phân bổ và sử dụng hàng hóa* ***(Đơn vị tính: ghi theo chủng loại mặt hàng hóa)***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên hàng** | **Tiếp nhận của địa phương** | **Các cơ quan, tổ chức trung ương và địa phương khác chuyển về** | **Tổng số** | **Quy ra tiền**  (trđ) | **Phân bổ, sử dụng** | | | **Tồn hàng** |
| Cứu trợ tại địa hương | Chuyển cho các tỉnh khác | Tổng số đã phân bổ |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| *2* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**ỦY BAN MTTQ VIỆT NAM TỈNH (THÀNH PHỐ)......**

**PHỤ LỤC 3**

**Công tác phòng, chống dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp do vi – rút Covid-19 gây ra** (gồm 04 biểu mẫu)

**Phụ lục 3a. Công tác chỉ đạo, tuyên truyền**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Công tác chỉ đạo, triển khai** | | | **Công tác tuyên truyền** | | |
| **Số lượng văn bản ban hành**  *(Đơn vị tính: số lượng văn bản)* | **Hình thức vận động ủng hộ  phòng, chống dịch (1)** | | **Tuyên truyền trên Trang thông tin điện tử của Mặt trận**  *(Đơn vị tính: số lượng tin, bài)* | **Sổ tay, Tờ rơi, băng rôn...**  *(Đơn vị tính: số lượng tờ rơi)* | **Các hình thức tuyên truyền sáng tạo ở địa phương** |
| Tổ chức  lễ phát động | Triển khai  bằng văn bản |
|  |  |  |  |  |  |

*Ghi chú: Tại mục (1), về nội dung “hình thức vận động ủng hộ phòng, chống dịch”, đề nghị tích dấu “X” vào ô lựa chọn.*

**Phụ lục 3b. Công tác vận động, tiếp nhận ủng hộ và phân bổ**

*\* Nội dung vận động, tiếp nhận*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Kết quả tiếp nhận đăng ký ủng hộ** | | | **Đã tiếp nhận ủng hộ trực tiếp bằng tiền, hiện vật** | | |
| **Ủng hộ tiền**  *(Đơn vị tính: 1.000 đồng)* | **Ủng hộ hiện vật** | **Tổng số tiền và hiện vật quy ra tiền**  *(Đơn vị tính: 1.000 đồng)* | **Đã tiếp nhận tiền**  *(Đơn vị tính: 1.000 đồng)* | **Đã tiếp nhận hiện vật** | |
| Đã tiếp nhận hiện vật | Hiện vật quy ra tiền |
|  |  |  |  |  |  |

*\* Nội dung phân bổ*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tổng số tiền đã phân bổ**  *(Đơn vị tính: 1.000 đồng)* | | **Tổng số hàng hóa đã phân bổ** | | **Cộng chi hỗ trợ**  *(Đơn vị tính: 1.000 đồng)* | **Số tiền, hiện vật quy ra tiền hiện còn chưa phân bổ**  *(Đơn vị tính: 1.000 đồng)* |
| Tại địa phương | Cho địa phương khác | Số lượng hàng hóa | Quy ra tiền (nếu có) |  |  |
|  |  |  |  |  |  |

**Phụ lục 3c. Công tác triển khai Nghị quyết số 42/NQ-CP của Chính phủ và Quyết định số 15/Đ-TTg của Thủ tướng Chính phủ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Số cán bộ Mặt trận tham gia rà soát, lập danh sách đối tượng được thụ hưởng hỗ trợ theo NQ số 42/NQ-CP và Quyết định số 15/QĐ-TTg ở cả 3 cấp**  *(Số lượng người tham gia rà soát)* | **Số đối tượng được thụ hưởng chính sách theo Nghị quyết số 42/NQ-CP và Quyết định số 15/QĐ-TTg trong toàn tỉnh**  *(Số lượng người)* | **Tổng mức kinh phí hỗ trợ theo  NQ số 42/NQ-CP và Quyết định số 15/QĐ-TTg** | |
| **Kinh phí hỗ trợ của ngân sách TW**  *(Đơn vị tính: 1.000 đồng)* | **Kinh phí hỗ trợ của ngân sách địa phương**  *(Đơn vị tính: 1.000 đồng)* |
|  |  |  |  |

**Phụ lục 3d. Công tác giám sát**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thành lập đoàn giám sát** | | **Số vụ việc có kiến nghị xử lý** | |
| **Giám sát thực hiện phòng, chống dịch**  *(Số đoàn ở 3 cấp)* | **Giám sát thực hiện  Nghị quyết số 42/NQ-CP và Quyết định số 15/QĐ-TTg**  *(Số đoàn ở 3 cấp)* | **Số vụ việc có kiến nghị xử lý liên quan đến công tác phòng, chống dịch**  *(Số vụ việc ở 3 cấp)* | **Số vụ việc có kiến nghị xử lý liên quan đến việc thực hiện Nghị quyết số 42/NQ-CP và Quyết định số 15/QĐ-TTg**  *(Số vụ việc ở 3 cấp)* |
|  |  |  |  |

**ỦY BAN MTTQ VIỆT NAM TỈNH (THÀNH PHỐ)......**

**PHỤ LỤC 4**

**Công tác giám sát, phản biện xã hội, tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước năm 2020** *(gồm 6 biểu mẫu)*

**Phụ lục 4a: BẢNG THỐNG KÊ KẾT QUẢ GIÁM SÁT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cấp tỉnh** | | | **Cấp huyện** | | | **Cấp xã** | | | | | | | **Tổng số** |
| **Nghiên cứu, xem xét văn bản** | **Thành lập đoàn giám sát** | **Tham gia giám sát** | **Nghiên cứu, xem xét văn bản** | **Thành lập đoàn giám sát** | **Tham gia giám sát** | **Nghiên cứu, xem xét văn bản** | **Thành lập đoàn giám sát** | **Giám sát thông qua hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân** | | **Giám sát thông qua hoạt động của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng** | | **Tham gia giám sát** |
| Tổng số cuộc | Giá trị thu hồi (tiền, hiện vật) | Tổng số cuộc | Giá trị thu hồi (tiền, hiện vật) |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

*\* Ghi chú: Số liệu tính từ ngày 01/01/2020 đến hết ngày 30/11/2020; Giá trị thu hồi ghi rõ số tiền thu hồi hoặc hiện vật gì.*

**Phụ lục 4b: BẢNG THỐNG KÊ KẾT QUẢ PHẢN BIỆN XÃ HỘI**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cấp tỉnh** | | | **Cấp huyện** | | | **Cấp xã** | | | **Tổng số** |
| **Tổ chức hội nghị phản biện**  (số cuộc) | **Gửi dự thảo văn bản phản biện**  (số cuộc) | **Tổ chức đối thoại trực tiếp** (số cuộc) | **Tổ chức hội nghị phản biện** (số cuộc) | **Gửi dự thảo văn bản phản biện** (số cuộc) | **Tổ chức đối thoại trực tiếp** (số cuộc) | **Tổ chức hội nghị phản biện** (số cuộc) | **Gửi dự thảo văn bản phản biện** (số cuộc) | **Tổ chức đối thoại trực tiếp** (số cuộc) |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

*\* Ghi chú: Số liệu tính từ ngày 01/01/2020 đến hết ngày 30/11/2020.*

**Phụ lục 4c: BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU GÓP Ý XÂY DỰNG ĐẢNG, NHÀ NƯỚC**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cấp tỉnh** | | | **Cấp huyện** | | | **Cấp xã** | | | **Tổng số** |
| **Góp ý các văn bản QPPL** (số cuộc) | **Góp ý dự thảo các chương trình, đề án và các văn bản khác của cấp ủy, chính quyền cùng cấp** (số văn bản) | **Tổ chức đối thoại trực tiếp giữa người đứng đầu cấp ủy, chính quyền với Nhân dân** (số cuộc) | **Góp ý các văn bản QPPL** (số cuộc) | **Góp ý dự thảo các chương trình, đề án và các văn bản khác của cấp ủy, chính quyền cùng cấp** (số văn bản) | **Tổ chức đối thoại trực tiếp giữa người đứng đầu cấp ủy, chính quyền với Nhân dân**  (số cuộc) | **Góp ý các văn bản QPPL**  (số cuộc) | **Góp ý dự thảo các chương trình, đề án và các văn bản khác của cấp ủy, chính quyền cùng cấp** (số văn bản) | **Tổ chức đối thoại trực tiếp giữa người đứng đầu cấp ủy, chính quyền với Nhân dân** (số cuộc) |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

*\* Ghi chú: Số liệu tính từ ngày 01/01/2020 đến hết ngày 30/11/2020.*

**Phụ lục 4d: BIỂU MẪU TỔNG HỢP SỐ LIỆU CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN PHÁP LUẬT**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TỔNG SỐ HỘI NGHỊ TUYÊN TRUYỀN** | **TỔNG SỐ NGƯỜI THAM DỰ** | **THÀNH LẬP CÁC MÔ HÌNH** | | | **GHI CHÚ** |
|
| **NHÓM NÒNG CỐT** | **CÂU LẠC BỘ PHÁP LUẬT** | **MÔ HÌNH KHÁC** |
| (tổng số thành lập ) | (tổng số thành lập ) | (tổng số thành lập và ghi rõ tên mô hình) |
|  |  |  |  |  |  |

*\* Ghi chú: Số liệu tính từ ngày 01/01/2020 đến hết ngày 30/112020.*

**Phụ lục 4e: BIỂU MẪU TỔNG HỢP SỐ LIỆU CÔNG TÁC HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TỔNG SỐ TỔ HÒA GIẢI** | **TỔNG SỐ HÒA GIẢI VIÊN** | **HÒA GIẢI VIÊN LÀ CÁN BỘ MT** | **TỔNG SỐ VỤ VIỆC HÒA GIẢI** | **HÒAGIẢI THÀNH** | **ĐẠT  TỶ LỆ %** |
|  |  |  |  |  |  |

*\* Ghi chú: Số liệu tính từ ngày 01/01/2020 đến hết ngày 30/11/2020*

**Phụ lục 4f: BIỂU MẪU KẾT QUẢ TIẾP CÔNG DÂN VÀ XỬ LÝ ĐƠN THƯ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Tiếp công dân** | | | **Số đơn thư tiếp nhận từ các nguồn** | | | **Phân loại xử lý đơn thư** | | | | | | | **Theo dõi kết quả giải quyết** | | |
| Số  lượt người được tiếp | Số đoàn  đông người, phức tạp | Số lượt người  được  h/dẫn, g/thích  trực  tiếp *(không b/h văn bản)* | Qua việc  tiếp công  dân | Qua  bưu  điện  và nguồn khác | Tổng số đơn  thư  nhận  từ các nguồn | **Theo điều kiện xử lý** | | **Phân loại những đơn đủ điều kiện xử lý** | | | | |
| **Theo thẩm quyền** | | **Theo bản chất vụ việc** | | |
| Đơn không  đủ  điều kiện  xử lý | Đơn  đủ  điều  kiện  xử  lý | Không thuộc  thẩm quyền  giải  quyết | Thuộc  thẩm quyền  giải  quyết | Khiếu nại *(ban hành văn bản  hướng dẫn)* | Tố cáo | K/nghị, p/ánh  *(ban hành văn bản  chuyển đơn)* | Số đơn chuyển  được phúc  đáp | Số đơn chuyển không được phúc  đáp | Số đơn giải quyết thuộc thẩm quyền |
| Xã |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Huyện |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Tỉnh |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

*\* Ghi chú:*

- (**\***)*: Ban hành văn bản hướng dẫn, nếu là đơn nhận trực tiếp hoặc ban hành văn bản chuyển đơn nếu là đơn nhận gián tiếp.*

*- Số**liệu tính từ ngày 01/01/2020 đến 30/11/2020.*

**Phụ lục 4g: Góp ý Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng** *(gồm 2 biểu mẫu)*

*\* Nội dung góp ý Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XIII*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tổng số ý kiến góp ý** | **Số lượt người tham dự** | **Hình thức góp ý** | | | |
| **Tổ chức hội nghị góp ý trong hệ thống Mặt trận**  (Số lượng) | **Tổ chức lấy ý kiến góp ý của nhân dân tại các khu dân cư** (Số lượng) | **Lắng nghe ý kiến trực tiếp từ người dân**  (Số lượng) | **Các hình thức góp ý khác**  (Số lượng) |
|  |  |  |  |  |  |

*\* Nội dung các hoạt động chào mừng Đại hội Đảng các cấp*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Công trình, phần việc chào mừng  *(Số lượng ở 3 cấp)* | Giá trị của các công trình, phần việc chào mừng  *(Đơn vị tính: nghìn đồng)* | Phát động đợt thi đua cao điểm chào mừng Đại hội  *(Nêu rõ tên đợt thi đua cao điểm ở cả 3 cấp)* |
|  |  |  |

**ỦY BAN MTTQ VIỆT NAM TỈNH (THÀNH PHỐ)** ....

**PHỤ LỤC 6**

**Hoàn thiện cơ chế, nâng cao năng lực hoạt động của hệ thống Mặt trận năm 2020** *(gồm 01 biểu mẫu)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Công tác phối hợp với các cơ quan Đảng, Nhà nước, thành viên MTTQ Việt Nam cấp tỉnh** | | | **Việc xây dựng và phát huy lực lượng tư vấn của Mặt trận** | | | | | | **Công tác bồi dưỡng, tập huấn cán bộ Mặt trận** | |
| Tổng số các chương trình phối hợp đang triển khai (cấp tỉnh)  *(Số lượng: bao gồm cả kế hoạch, quy chế, chương trình..)* | Số chương trình được ký kết mới  *(số lượng)* | Số chương trình phối hợp được đánh giá có hiệu quả tốt *(số lượng/ tỷ lệ %)* | *Cấp tỉnh* | | *Cấp huyện* | | *Cấp xã* | | Tổng số lớp của cả ba cấp  *(số lớp)* | Số lượng cán bộ Mặt trận được tập huấn  *(số lượt người)* |
| *Số Hội đồng tư vấn* | *Số thành viên* | *Số huyện có Ban tư vấn/tỷ lệ %* | *Tổng số thành viên* | *Số xã có tổ tư vấn/ tỷ lệ %/* | *Tổng số thành viên* |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |